

Bản án số: 157/2024/DS-ST
Ngày 16 - 9 - 2024
Về việc tranh chấp hụi

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Mộng Chi
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Đăng
Bà Lê Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1974 (có đơn yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Bà Lê Thị D1 (tên thường gọi Lê Thị R), sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Ngày 25 tháng 4 (sau) năm 2020 âm lịch (do năm 2020 nhuận hai tháng 4 âm lịch) bà có mở 01 dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 36 chung, bà Lê Thị D1 có tham gia 01 chung trong danh sách hụi bà ghi tên Riêng. Quá trình tham gia hụi bà D1 đã hốt hụi và bà đã giao tiền hụi cho bà D1. Sau khi bà D1 hốt hụi thì có đóng hụi chết cho bà, do dịch Covid nên dây hụi này bà có tạm dừng 02 tháng không gom hụi là tháng 06 và tháng 07 năm 2021 âm lịch. Hụi đến tháng 4/2023 âm lịch mãn nhưng bà D1 chỉ đóng hụi cho bà đến tháng 3/2023 âm lịch. Do đó bà D1 còn nợ bà một tháng hụi chết là 1.000.000 đồng. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U Minh giải quyết buộc bà Lê Thị Diễm T cho bà số tiền hụi chết còn nợ là 1.000.000 đồng.

* *Quá trình tố tụng bị đơn bà Lê Thị D1 trình bày:*

Bà có tham gia hội do bà **D** làm chủ, đây hội mở ngày 25 tháng 4 (trước) năm 2020 âm lịch vì năm 2020 âm lịch nhuận hai tháng tư, đây hội này bà tham gia 01 chung và bà đã hót hội, sau khi hót hội bà đóng hội chết cho bà **D** đầy đủ đến ngày 30/3/2023 âm lịch là mãn hội. Bà **D** cho rằng hội mở ngày 25 tháng 4 năm 2020 âm lịch tháng 4 sau bà không đồng ý, bà đã đóng hội xong nên không đồng ý đóng thêm vì đã đóng hội đủ cho bà **D**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà **Nguyễn Thị D** khởi kiện yêu cầu bà **Lê Thị Diễm T** tiền hội. Xét đây là quan hệ tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hội*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà **D** yêu cầu xét xử vắng mặt; bà **D1** đã được triệu họp hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bà **D**, bà **D1** theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà **D** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **D1** (Riêng) trả tiền hội chết mà bà **D1** còn nợ là 1.000.000 đồng. Giữa bà **D** và bà **D1** xảy ra tranh chấp về việc góp tiền hội chết là vì bà **D** cho rằng bà **D** mở hội ngày 25 tháng 4 (sau) năm 2020 âm lịch (do năm 2020 nhuận hai tháng 4 âm lịch) bà **D1** tham gia 01 chung đã hót hội nên phải góp tiền hội chết cho bà **D** đến tháng 4/2023 âm lịch mới mãn hội còn bà **D1** cho rằng bà có tham gia hội do bà **D** làm chủ, nhưng đây hội mở ngày 25 tháng 4 (trước) năm 2020 âm lịch nên bà đã đóng hội chết đến mãn hội là tháng 3/2023 âm lịch, không còn nợ tiền hội chết của bà **D**.

Xét thấy, việc bà **D1** có tham gia 01 chung hội do bà **D** làm chủ và bà **D1** đã hót hội là có thật được bà **D1** thừa nhận. Bà **D** và bà **D1** không thống nhất thời gian bà **D** bắt đầu mở hội. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 235/2024/DS-PT ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nhận định đây hội này khai tháng 4 sau (tháng 4 nhuận) chứ không phải tháng 4 trước nên đây hội mãn vào tháng 4 năm 2023 âm lịch chứ không phải mãn tháng 3 năm 2023 âm lịch như bà **D1** trình bày. Bà **D1** cũng xác định chỉ đóng hội chết cho bà **D** đến ngày 30 tháng 3 năm 2023 âm lịch trong khi hội mãn vào tháng 4 năm 2023 âm lịch nên bà **D1** còn nợ bà **D** 01 tháng hội chết với số tiền 1.000.000 đồng. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà **D** buộc bà **D1** trả cho bà **D** tiền hội chết còn nợ là 1.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà **Lê Thị Diễm P** chịu 300.000 đồng. Bà **Nguyễn Thị D** không phải chịu án phí, bà **D** đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Lê Thị D1 (tên thường gọi Lê Thị R) trả tiền hội.

Buộc bà Lê Thị D1 (tên thường gọi Lê Thị R) trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền hội 1.000.000 (một triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị Diễm P chịu 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006544 ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà D, bà D1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng C

